

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 95/2022/HNGĐ- ST
Ngày: 01- 12- 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Trung
2. Bà Cao Thị Lan

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trường- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương- Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 322/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc: ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2022/QĐXX-ST ngày 14 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2022/QĐST- HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987
2. Bị đơn: anh Trần Duy Đ, sinh năm 1981

Đều ở địa chỉ: thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Thái Bình

(Tại phiên tòa có mặt chị H. Anh Đ vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị kết hôn tự nguyện với anh Trần Duy Đ và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Tiến, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 05/9/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 7/2021 thì phát sinh mâu thuẫn cãi nhau do anh Đ có quan hệ với người phụ nữ khác. Vợ chồng đã ly

thân từ tháng 7/2022 cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và xin ly hôn anh Đ.

Chị và anh Đ có 03 con chung là Trần Thị Diệu L, sinh ngày 25/9/2006; Trần Thị Diệu L1, sinh ngày 30/10/2008 và Trần Tiến Đ, sinh ngày 21/10/2019. Sau khi ly hôn, chị xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Tiến Đ còn để anh Đ nuôi dưỡng hai con chung là L và L1. Chị và anh Đ không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Bị đơn là anh Trần Duy Đ trong bản tự khai, biên bản hòa giải đã xác nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn đúng như chị H trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận sau đó phát sinh mâu thuẫn như chị H đã khai. Anh đã xin lỗi chị H và mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng chị H cương quyết ly hôn thì anh nhất trí và anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung là Trần Thị Diệu L, Trần Thị Diệu L1 và Trần Tiến Đ. Anh không yêu cầu chị H phải góp cấp dưỡng nuôi ba con chung cho anh. Về quan hệ tài sản, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên toà: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đều tuân thủ đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ hôn nhân: cần xử cho chị H được ly hôn anh Đ; về quan hệ con chung: cần xử giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Tiến Đ; giao cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Trần Thị Diệu L và Trần Thị Diệu L1. Chị H và anh Đ không phải góp cấp dưỡng nuôi chung cho nhau; về quan hệ tài sản: không đặt ra giải quyết. Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Duy Đ xây dựng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 7/2021 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Đ có quan hệ với người phụ nữ khác và vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2022 cho đến nay không quan tâm đến nhau. Chị H cương quyết ly hôn và anh Đ cũng nhất trí. Xét mâu thuẫn giữa chị H và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không Đ được, cần xử cho chị H được ly hôn anh Đ là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: xét nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của chị H và anh Đ, thấy: Con Đ hiện nay còn nhỏ, cần có sự nuôi dưỡng, chăm sóc của người mẹ; còn hai con là L và L1 đều có nguyện vọng ở với bố. Vì vậy, cần giao con Đ cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao hai con là L và L1 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H và anh Đ không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau do anh Đ không có yêu cầu.

Về quan hệ tài sản: Chị H và anh Đ đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

[3] Về án phí: chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Trần Duy Đ.

2. Về quan hệ con chung: xử giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Tiến Đ, sinh ngày 21/10/2019. Giao cho anh Trần Duy Đ trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Trần Thị Diệu L, sinh ngày 25/9/2006 và Trần Thị Diệu L1, sinh ngày 30/10/2008. Chị H và anh Đ không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005797 ngày 04/10/2022 của Chi cục Thi hành án

dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Duy Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hưng Hà,
- Các đương sự,
- Chi cục THA dân sự H.Hưng Hà,
- UBND xã H, H. Hưng Hà,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thế Hùng